BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
UNDERGRADUATE PROGRAMME

(Kèm theo Quyết định số 3764/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
Issued together with Decision No 3764/QD-ĐHM dated 21 month 12 year 2023
by the Rector of Ho Chi Minh City Open University)

I. Thông tin tổng quát-General information

1. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Việt/Major in Vietnamese: **Kế toán**
2. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh/Major in English: Accounting
3. Mã ngành/Major Code: **7340301**
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học-Undergraduate
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy-Full time
6. Thời gian đào tạo /Duration of training: 4 năm
   - Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ
   - Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
   - Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: **136 tín chỉ** (chưa bao gồm tín chỉ khối kiến thức GDQPAN và GDTC).
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân
9. Ngôn ngữ đào tạo/Language (s) of instruction: Tiếng Việt – Tiếng Anh

1. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Kế toán có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm đối với xã hội, có sức khỏe, kiến thức và năng lực chuyên môn trong ngành Kế toán để phát triển nghề nghiệp và bản thân trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp/Job positions after graduation

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí việc làm sau:

- Vị trí việc làm 1: Kế toán các phần hành tại các doanh nghiệp như Kế toán kho, Kế toán công nợ, Kế toán giá thành, Kế toán tiền lương, Kế toán thuế.
- Vị trí việc làm 2: Kế toán viên tại các tổ chức tài chính và công ty chứng khoán như Ngân hàng, Quỹ đầu tư.
- Vị trí việc làm 3: Kế toán viên tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị công ích như trường học, bệnh viện..
- Vị trí việc làm 4: Trợ lý Kiểm toán và tư vấn viên tại các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Sau khi tích lũy kinh nghiệm làm việc, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí: Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành..

Người học có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ như tham gia học chương trình Kế toán công chứng Anh, Kế toán công chứng Úc… chương trình Thạc sĩ ngành Kế toán, Kiểm toán hoặc học mở rộng kiến thức của các ngành gần như Tài chính- Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kinh tế.

III. Chuẩn đầu ra – Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/ PLO	**Mô tả/ Decription**
Kiến thức/ Knowledge	
PLO1	Thể hiện hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, toán học và khoa học xã hội để làm nền tảng phát triển tư duy phản biện
PLO2	Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan thông qua việc vận dụng những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, đổi mới đất nước.
PLO3	Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội làm nền tảng cho việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất và kinh doanh
PLO4	Áp dụng được các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán bao gồm các nguyên tắc, yêu cầu kế toán Việt nam và nội dung khung khái niệm của chuẩn mực kế toán quốc tế
PLO5	Phân tích kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, phù hợp với các hướng dẫn của quốc gia và quốc tế, về nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành và qui định nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.
PLO6	Vận dụng các kiến thức bổ trợ có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra/ PLO	Mô tả/ Decription
Kỹ năng/Skills	
PLO7	Thể hiện được khả năng tư duy hệ thống và phản biện
PLO8	Thực hiện được việc nhận dạng và giải quyết vấn đề.
PLO9	Thể hiện kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PLO10	Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm
PLO11	Thể hiện được năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi phát triển bản thân
PLO12	Thể hiện được ý thức tuân thủ pháp luật, có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp

IV. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện nhập học/Admission criteria and policies

1. Đối tượng tuyển sinh/Candidates for admission

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện nhập học/Admission criteria

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

V. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp/Delivery of the programme and graduation criteria

1. Quy trình đào tạo/Delivery of the programme

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation criteria

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số môn học, số tín chỉ tối thiểu và đạt các yêu cầu khác về chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (theo thang điểm 4) trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

VI. Cách thức đánh giá/Student assessment

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Nội dung chương trình/Programme contents

1. Cấu trúc chương trình – Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
1.	**Kiến thức giáo dục đại cương**	**56**	**44**	**12**	**21.43%**
1.1.	*Lý luận chính trị*	11	11		
1.2.	*Kiến thức kinh tế, luật và khoa học xã hội – nhân văn*	6		6	
1.3.	*Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên*	9	3	6	
1.4.	*Ngoại ngữ*	30	30		
2.	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**70**	**43**	**27**	**38.57%**
2.1.	*Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)*	12	6	6	
2.2.	*Kiến thức ngành*	15	15		
2.3.	*Kiến thức chuyên ngành kế toán*	36	18	18	
2.4.	*Kiến thức chuyên ngành kế toán*	36	21	15	
2.5.	*Kiến thức bổ trợ*	7	4	3	
2.6.	*Tốt nghiệp*	10	10		
	Thực tập tốt nghiệp	4	4		
	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		
	Môn thay thế	6		6	
Tổng cộng		**136**	**97**	**39**	

2. Khối lượng giảng dạy trực tuyến/Online mode of delivery

TT / No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/ Credit hours	Giờ/Credit hours	%
1	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	45	13.5	30%
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	30	9	30%
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	30	9	30%
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	30	9	30%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	37.5	9	24%
6	Môn Pháp luật chọn *(Pháp luật đại cương)*	GLAW6301	45	10	22%
7	Tin học văn phòng nâng cao	COMP6303	60	15	25%
8	Môn Toán chọn *(Xác suất và Thống kê)*	MATH6303	60	15	25%
9	Nguyên lý kế toán	ACCO5336	45	6	13,3%
10	Kinh doanh và Nghiệp vụ	ACCO5340	45	6	13,3%
11	Môn Cơ sở ngành chọn 1 *(Thị trường tài chính)*	FINA5330	45	13.5	30%
12	Môn Cơ sở ngành chọn 2 *(Luật kinh doanh)*	GLAW6302	45	10	22%
13	Kế toán tài chính 1	ACCO6340	45	6	13,3%
14	Kế toán tài chính 2	ACCO6345	45	6	13,3%
15	Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA)	ACCO5331	45	6	13,3%
16	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	ACCO5341	45	6	13,3%
17	Kiểm toán 1 (TA)	ACCO5329	45	6	13,3%
18	Kế toán tài chính 3	ACCO6346	45	6	13,3%
19	Kế toán tài chính 4	ACCO6347	45	6	13,3%
20	Kế toán thuế 1	ACCO6341	45	6	13,3%
21	Kế toán thuế 2	ACCO6348	45	6	13,3%
22	Hệ thống thông tin kế toán 1	ACCO6349	45	6	13,3%
23	Hệ thống thông tin kế toán 2	ACCO6350	45	6	13,3%

TT / No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/ Credit hours	Giờ/Credit hours	%
24	Môn kiến thức ngành chọn 1 *(Kế toán quản trị căn bản 1 - TA)*	ACCO5330	45	6	13,3%
25	Môn kiến thức ngành chọn 2 *(Kế toán quản trị căn bản 2 - TA)*	ACCO5339	45	6	13,3%
26	Môn kiến thức ngành chọn 3 *Quản lý Tài chính 1 F9 (TA)*	ACCO5344	45	6	13,3%
27	Môn kiến thức ngành chọn 4 *Báo cáo tài chính 1 F7 (TA)*	ACCO5346	45	6	13,3%
28	Môn kiến thức ngành chọn 5 *Báo cáo tài chính 2 F7 (TA)*	ACCO5345	45	6	13,3%
29	Môn kiến thức ngành chọn 6 *Quản lý Tài chính 2 F9 (TA)*	ACCO5347	45	6	13,3%
30	Phân tích báo cáo tài chính	FINA6335	45	6	13,3%
31	Phương pháp nghiên cứu	EDUC6101	45	6	13,3%
32	Môn bổ trợ *(Phân tích dữ liệu trong kế toán)*	ACCO6356	45	6	13,3%
33	Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 1 *(Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp)*	ACCO6325	45	6	13,3
34	Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2 *(Kế toán ngân hàng)*	ACCO6352	45	6	13,3
Tổng cộng/Total		X	X	257	X
Khối lượng CTĐT/Total of credits for the entire curriculum		X	**2137.5**	**257**	**12.02%**

3. Nội dung chương trình-Programme contents

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
1	**Kiến thức giáo dục đại cương**		**53.5**	**2.5**	
1.1	**Lý luận chính trị**		**10.5**	**0.5**	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist phylosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
1.2	**Kiến thức kinh tế, luật, khoa học xã hội và nhân văn**		**6**		
	Chọn 1 môn		**3**		
6	Kinh tế học đại cương (TA) General Economics	ECON5301	3		
7	Kinh tế vi mô (TA) Microeconomics	ECON5302	3		
8	Kinh tế vĩ mô (TA) Macroeconomics	ECON5303	3		
9	Quản trị học (TA) Principles of Management	BADM5346	3		
10	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	SOCI6302	3		
11	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI6301	3		
12	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	EDUC6301	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	Career Orientation and Academic Skills Training				
	Chọn 1 môn		**3**		
13	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
14	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
1.3	**Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên**		**9**		
	Tin học				
15	Tin học văn phòng nâng cao Advanced Office Informatics	COMP6303	2	1	
	Toán và khoa học tự nhiên: chọn 2 môn		6		
16	Thống kê ứng dụng Business Statistics	BADM6341	3		
17	Giải tích Calculus	MATH6301	2	1	
18	Đại số tuyến tính Linear Algebra	MATH6302	2	1	
19	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	MATH6303	2	1	
20	Nguyên lý thống kê kinh tế Principles of Economic Statistics	MATH6304	2	1	
1.4	**Tiếng Anh**		**30**		
21	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1311	3		
22	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1312	3		
23	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1313	3		
24	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1314	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
25	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1315	3		
26	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1316	3		
27	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1317	3		
28	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1318	3		
29	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1319	3		
30	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1320	3		
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**70**		
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**12**		
	Bắt buộc		**6**		
31	Nguyên lý kế toán (TA) Principles of Accounting	ACCO5336	3		
32	Kinh doanh và nghiệp vụ (TA) Business and Technology – ACCA F1	ACCO5340	3		
	Tự chọn (chọn 2 môn)		**6**		
33	Tiền tệ và Ngân hàng (TA) Money and Banking	FINA5337	3		
34	Thị trường tài chính (TA) Financial Markets	FINA5330	3		
35	Luật kinh doanh Business Law	GLAW6302	3		
36	Pháp luật về lao động và việc làm Labour Law	BLAW6321	3		
37	Marketing căn bản (TA) Principles of Marketing	BADM5344	3		
38	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM6323	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	Business Planning				
2.2	**Kiến thức ngành**		**15**		
39	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	ACCO6340	3		Nguyên lý kế toán
40	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	ACCO6345	3		Kế toán tài chính 1
41	Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA) International Financial Accounting 1 – ACCA F3	ACCO5331	3		Kinh doanh và nghiệp vụ (TA)
42	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA) International Financial Accounting 2 – ACCA F3	ACCO5341	3		Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA)
43	Kiểm toán 1 (TA) Audit and Assurance 1 – ACCA F8	ACCO5329	3		Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA)
2.3	**Kiến thức chuyên ngành (Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau)**		**36**		
A.	**Chuyên ngành kế toán**		**36**		
	Bắt buộc (6 môn)		**18**		
44	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	ACCO6346	3		Kế toán tài chính 2
45	Kế toán tài chính 4 Financial Accounting 4	ACCO6347	3		Kế toán tài chính 3
46	Kế toán thuế 1 Tax Accounting 1	ACCO6341	3		Kế toán tài chính 2
47	Kế toán thuế 2 Tax Accounting 2	ACCO6348	3		Kế toán thuế 1
48	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information System 1	ACCO6349	3		Kế toán tài chính 2
49	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information System 2	ACCO6350	3		Hệ thống thông tin kế toán 1

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	Tự chọn (chọn 6 môn)		**18**		
50	Tài chính hành chính sự nghiệp Finance for Public Sector	ACCO6342	3		
51	Kế toán hành chính sự nghiệp Accounting for Public Sector	ACCO6351	3		Kế toán tài chính 2
52	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6325	3		Nguyên lý kế toán
53	Kế toán quản trị căn bản 1 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 1 – ACCA F2	ACCO5330	3		Kinh doanh và nghiệp vụ (TA)
54	Kế toán ngân hàng Accounting of Banking	ACCO6352	3		Kế toán tài chính 1
55	Quản lý danh mục đầu tư Portfolio Management	FINA6334	3		
56	Kế toán quản trị căn bản 2 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 2 – ACCA F2	ACCO5339	3		Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)
57	Báo cáo tài chính 1 (TA) Financial reporting 1 – ACCA F7	ACCO5344	3		Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)
58	Báo cáo tài chính 2 (TA) Financial reporting 2 – ACCA F7	ACCO5345	3		Báo cáo tài chính 1 F7 (TA)
59	Quản lý tài chính 1 (TA) Finance Management 1 – ACCA F9	ACCO5346	3		Kế toán quản trị căn bản 2 (TA)
60	Quản lý tài chính 2 F9 (TA) Finance Management 2 – ACCA F9	ACCO5347	3		Quản lý Tài chính 1 F9 (TA)
61	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA) Corporate Finance 1	FINA5338	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
62	Tài chính doanh nghiệp 2 (TA) Corporate finance 2	FINA5339	3		Tài chính doanh nghiệp 1
63	Thanh toán quốc tế (TA) International Payment	FINA5334	3		
64	Ngân hàng thương mại Commercial banking	FINA6327	3		
65	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6344	3		
B.	**Chuyên ngành kiểm toán**		**36**		
	Bắt buộc (7môn)		**21**		
66	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	ACCO6346	3		Kế toán tài chính 2
67	Kế toán tài chính 4 Financial Accounting 4	ACCO6347	3		Kế toán tài chính 3
68	Kế toán thuế 1 Tax Accounting 1	ACCO6341	3		Kế toán tài chính 2
69	Kế toán thuế 2 Tax Accounting 2	ACCO6348	3		Kế toán thuế 1
70	Kiểm soát nội bộ Internal Control	ACCO6328	3		Kế toán tài chính 4
71	Kiểm toán 2 (TA) Audit and Assurance 2 – ACCA F8	ACCO5342	3		Kiểm toán 1 (TA)
72	Kiểm toán thực hành Auditing Practices	ACCO6353	3		Kiểm toán 2 (TA)
	Tự chọn (chọn 5 môn)		**15**		
73	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information System 1	ACCO6349	3		Kế toán tài chính 2
74	Kế toán quản trị căn bản 1 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 1 – ACCA F2	ACCO5330	3		Kinh doanh và nghiệp vụ (TA)
75	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)	FINA5338	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	Corporate Finance 1				
76	Kiểm toán nội bộ Internal Audit	ACCO6354	3		Kiểm toán 1
77	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information System 2	ACCO6350	3		Hệ thống thông tin kế toán 1
78	Tài chính doanh nghiệp 2 (TA) Corporate finance 2	FINA5339	3		Tài chính doanh nghiệp 1
79	Kế toán quản trị căn bản 2 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 2 – ACCA F2	ACCO5339	3		Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)
80	Quản trị hoạt động doanh nghiệp (TA) Performance Management– ACCA F5	ACCO5348	3		
81	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6325	3		Nguyên lý kế toán
82	Kiểm toán hoạt động Performance Auditing	ACCO6355	3		
83	Báo cáo tài chính 1 (TA) Financial reporting 1 – ACCA F7	ACCO5344	3		
84	Báo cáo tài chính 2 (TA) Financial reporting 2 – ACCA F7	ACCO5345	3		
85	Quản lý tài chính 1 (TA) Finance Management 1 – ACCA F9	ACCO5346	3		
86	Quản lý tài chính 2 F9 (TA) Finance Management 2 – ACCA F9	ACCO5347	3		
87	Thanh toán quốc tế (TA) International Payment	FINA5334	3		
88	Ngân hàng thương mại Commercial banking	FINA6327	3		

STT /No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
89	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6344	3		
2.4	***Kiến thức bổ trợ***		**7**		
	Bắt buộc		**4**		
90	Phương pháp nghiên cứu Research Methods	EDUC6101	1		
91	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	FINA6335	3		
	Tự chọn: *Chọn 1 môn*		**3**		
92	Truy vấn dữ liệu Structural data query	ITEC6302	2	1	
93	Phân tích dữ liệu Data analytics	ITEC6303	2	1	
94	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data analytics for Accounting	ACCO6356	3		
3 Thực tập và khóa luận/đồ án tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)			6	4	
95	Thực tập tốt nghiệp Internship	ACCO6401		4	Kế toán thuế 2
96	Khóa luận tốt nghiệp Final Thesis	ACCO6601	6		
	Hoặc môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp				
	Chọn 2 trong nhóm các môn tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành. Lưu ý các môn chọn trong nhóm kiến thức này không được trùng với môn đã học.				
Tổng cộng:			**129.5**	**6.5**	

VIII. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)/Delivery of the curriculum (expected)

- Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ

- Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
- Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
HỌC KỲ 1							
	Tin học văn phòng nâng cao Advanced Office Informatics	COMP6303	45	15	90	Thuyết giảng, bài tập thực hành, thảo luận	Bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ
3.	*Môn chọn Khối kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn*						
	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập Career Orientation and Academic Skills Training	EDUC6301	45		105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1311	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1312	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
						cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
HỌC KỲ 2							
	Môn chọn Khối kiến thức luật						
	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	45		105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: báo cáo nhóm – thuyết trình
	Môn chọn 1: Toán và khoa học tự nhiên.						
	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	MATH6303	45	15	90	Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập.	Bài tập có tính điểm trên lớp. Bài kiểm tra trên LMS; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra cuối kỳ.

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1313	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1314	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
	Phương pháp nghiên cứu Research Methods	EDUC6101	30		40	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 3							

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
1.	Nguyên lý kế toán (TA) Principles of Accounting	ACCO5336	39	6	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1315	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1316	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
4.	*Môn chọn 1: Kiến thức cơ sở ngành*						

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
	Thị trường tài chính (TA) Financial Markets	FINA5330	45		105	Thuyết giảng, nêu vấn đề, thảo luận, nghiên cứu bài học và tài liệu, nghiên cứu tình huống, thuyết trình	Đánh giá quá trình: Trắc nghiệm Đánh giá giữa kỳ: Bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình Đánh giá cuối kỳ: Trắc nghiệm
5.	*Môn chọn 2: Toán và khoa học tự nhiên.*						
	Thống kê ứng dụng Business Statistics	BADM6341	45		105	Thuyết giảng, bài tập thực hành, thảo luận	Trắc nghiệm, Tự luận, Tiểu luận
HỌC KỲ 4							
1.	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist phylosophy	POLI1304	45	13.5	105	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
2.	Kinh doanh và nghiệp vụ (TA) Business and Technology (English)	ACCO5340	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	ACCO6340	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
4.	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1317	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
5.	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1318	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
						viên khi cần thiết	Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
HỌC KỲ 5							
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	30		70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	30		70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	ACCO6345	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
						luận, thuyết trình	
	Tiếng anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1319	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
	Tiếng anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1320	45		105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
	Môn chọn 1: Kiến thức cơ sở ngành						

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
	Luật kinh doanh Business Law	GLAW6302	45		105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
HỌC KỲ 6							
Chuyên ngành Kế toán							
1.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	30		70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	37.5		62.5	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá;	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ;

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
						Tự học - Đọc tài liệu.	Bài kiểm tra kết thúc môn học
3.	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	ACCO6346	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
4.	*Môn chọn 1: Kiến thức chuyên ngành* Kế toán quản trị căn bản 1 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 1 – ACCA F2	ACCO5343	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA) International Financial Accounting 1 – ACCA F3	ACCO5331	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
Chuyên ngành Kiểm toán							
1.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	30		70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	37.5		62.5	Thuyết giảng,	Đánh giá thái độ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
						Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	(chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
3.	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	ACCO6346	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
4.	*Môn chọn 1: Kiến thức chuyên ngành* Kế toán quản trị căn bản 1 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 1 – ACCA F2	ACCO5343	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA) International Financial Accounting 1 – ACCA F3	ACCO5331	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 7							
Chuyên ngành Kế toán							
1.	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA) International Financial Accounting 2	ACCO5341	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
2.	Kế toán tài chính 4 Financial Accounting 4	ACCO6347	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	*Môn chọn 2: Kiến thức chuyên ngành* Kế toán quản trị căn bản 2 (TA) Fundamentals of Management Accounting Part 2 – ACCA F2	ACCO5339	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
4.	Kế toán thuế 1 Tax Accounting 1	ACCO6341	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information System 1	ACCO6349	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
Chuyên ngành Kiểm toán							
1.	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA) International Financial Accounting 2	ACCO5341	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Kế toán tài chính 4 Financial Accounting 4	ACCO6347	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	*Môn chọn 2: Kiến thức chuyên ngành* Kế toán quản trị căn bản 2 (TA)	ACCO5339	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
	Fundamentals of Management Accounting Part 2 – ACCA F2						
4.	Kế toán thuế 1 Tax Accounting 1	ACCO6341	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	*Môn chọn 3: Kiến thức chuyên ngành*						
	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information System 1	ACCO6349	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 8							
Chuyên ngành Kế toán							
1.	Kế toán thuế 2 Tax Accounting 2	ACCO6348	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Kiểm toán 1 (TA) Audit and Assurance 1	ACCO5329	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	*Môn chọn 3: Kiến thức chuyên ngành* Quản lý tài chính 1 (TA) Finance Management 1 – ACCA F9	ACCO5346	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
4.	*Môn chọn 4: Kiến thức chuyên ngành* Báo cáo tài chính 1 (TA) Financial reporting 1 – ACCA F7	ACCO5344	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp /F-T-F	Trực tuyến /Online	Tự học/Self-study		
Chuyên ngành Kiểm toán							
1.	Kế toán thuế 2 Tax Accounting 2	ACCO6348	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Kiểm toán 1 (TA) Audit and Assurance 1	ACCO5329	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	Kiểm soát nội bộ Internal Control	ACCO6328	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	*Môn chọn 4: Kiến thức chuyên ngành* Báo cáo tài chính 1 (TA) Financial reporting 1 – ACCA F7	ACCO5344				Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 9							
Chuyên ngành Kế toán							
	Môn chọn Kiến thức bổ trợ						
1.	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data analytics for Accounting	ACCO6356	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	FINA6335	45		105		
3.	*Môn chọn 5: Kiến thức chuyên ngành* Báo cáo tài chính 2 (TA) Financial reporting 2 – ACCA F7	ACCO5345	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
4.	*Môn chọn 6: Kiến thức chuyên ngành* Quản lý tài chính 2 (TA) Finance Management 2 – ACCA F9	ACCO5347	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
5.	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information System 2	ACCO6350	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
Chuyên ngành Kiểm toán							
	Môn chọn Kiến thức bổ trợ						
1.	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data analytics for Accounting	ACCO6356	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
2.	Kiểm toán 2 (TA) Audit and Assurance 2	ACCO5342	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	FINA6335	45		105		
4.	*Môn chọn 5: Kiến thức chuyên ngành* Báo cáo tài chính 2 (TA) Financial reporting 2 – ACCA F7	ACCO5345	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 10							
Chuyên ngành Kế toán							
1.	Thực tập tốt nghiệp Internship	ACCO6401	120		80	Hướng dẫn tiếp cận vấn đề	Báo cáo
Chuyên ngành Kiểm toán							

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
1.	Thực tập tốt nghiệp Internship	ACCO6401	90		210	Hướng dẫn tiếp cận vấn đề	Báo cáo
2.	Kiểm toán thực hành Auditing Practices	ACCO6353	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 11							
Chuyên ngành Kế toán							
1.	Khóa luận tốt nghiệp Final Thesis	ACCO6601	90		180	Hướng dẫn tiếp cận vấn đề	Khóa luận
	Hoặc chọn 02 môn học thay thế:						
	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6325	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
	Kế toán ngân hàng Accounting of Banking	ACCO6352	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
Chuyên ngành Kiểm toán							
1.	Khóa luận tốt nghiệp Final Thesis	ACCO6601	90		180		
	Hoặc chọn học 02 môn thay thế						
	Kiểm toán hoạt động Performance Auditing	ACCO6355	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

STT/No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/F-T-F	Trực tuyến/Online	Tự học/Self-study		
	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6325	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, thuyết trình	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ

IX. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (Phụ lục 1)/Curriculum mapping (Appendix 1)

X. Tổng hợp phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra (Phụ lục 2)/Synthesis of teaching and learning methods and student assessment for the achievement of PLOs (Appendix 2)

XI. Sơ đồ chương trình đào tạo (Phụ lục 3)/Curriculum Roadmap (Appendix 3)

XII. Hướng dẫn thực hiện chương trình (Phụ lục 4)/Guidelines for implementing the programme (Appendix 4)

XIII. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình (Phụ lục 5)/Quality assurance for the programme (Appendix 5)

XIV. Đối sánh chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài *(Phụ lục 6)* /Curriculum benchmarking *(Appendix 6)*

XV. Đề cương môn học *(Phụ lục 7)*/Course specifications *(Appendix 7)*

XVI. Mô tả môn học/Course overview *(Mô tả môn học theo thứ tự của cấu trúc chương trình đào tạo)*

1) Môn học: **Triết học Mác – Lênin**

Mã môn học: POLI1304 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

2) Môn học: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Mã môn học: POLI1205 Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3) Môn học: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học: POLI1206 Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả tóm tắt: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

4) Môn học: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học: POLI1207 Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5) Môn học: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học: POLI1208 Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt: Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu cước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6) Môn học: **Kinh tế học đại cương (TA)**

Mã môn học: ECON5301 Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Kinh tế học đại cương là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế: người tiêu dùng và nhà sản xuất;…) và các công cụ cần thiết để phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô (sản lượng, lạm phát, thất nghiệp,…).

7) Môn học: **Kinh tế vi mô (TA)**

Mã môn học: ECON5302 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, các quyết định về phân bổ nguồn lực được các nhà hoạch định từ Trung ương đưa ra. Ngược lại, trong nền kinh tế thị trường, các nguồn lực được phân bổ thông qua cơ chế giá cả. Trong nền kinh tế thị trường, các quyết định liên quan đến tiêu dùng và sản xuất đều được phi tập trung hoá: các hộ gia đình tự quyết định về việc phải làm bao nhiêu và tiêu dùng cái gì; trong khi đó các doanh nghiệp tự quyết định phải sản xuất cái gì, bao nhiêu và sản xuất như thế nào.

Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính.

Trong phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất cũng sẽ được giới thiệu và dùng để phân tích tác động của chính sách kiểm soát giá, chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ.

Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường.

Phần thứ ba nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận. Cuối cùng là xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh.

Phần thứ tư của môn học sẽ trình bày các mô hình về Độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.

8) Môn học: **Kinh tế vĩ mô (TA)**

Mã môn học: ECON5303 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Với những kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô được cung cấp trong môn học này, sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản (như GDP, GNI, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát,…), cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, cũng như việc ngân hàng trung ương dùng lãi suất chiết khấu, dự trữ bắt buộc và hoạt động nghiệp vụ thị trường mở như là các công cụ làm thay đổi cung tiền trong nền kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái.

Trên cơ sở nắm bắt sản lượng cân bằng được xác định như thế nào trong mô hình số nhân của Keynes, kết hợp với các kiến thức trong thị trường tiền tệ và thị trường ngoại tệ, sinh viên sẽ được giới thiệu mô hình IS-LM, mô hình tổng cung- tổng cầu để có thể hiểu được khi chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa thì sản lượng quốc gia, lạm phát và thất nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào. Cuối cùng, cũng thông qua mô hình tổng cung-tổng cầu, sinh viên có thể giải thích được mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn.

9) Môn học: **Quản trị học (TA)**

Mã số môn học: BADM5346 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Quản trị học là môn học nền tảng của khối kiến thức quản trị, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lãnh đạo, quản lý một tổ chức kinh doanh hoặc các tổ chức trong các lĩnh vực khác

10) Môn học: **Tâm lý học đại cương**

Mã số môn học: SOCI6302 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tâm lý học đại cương là một môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên. Môn này sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phần nào lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý . Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành

11) Môn học: **Xã hội học đại cương**

Mã số môn học: SOCI6301 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lối tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa

12) Môn học: **Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập**

Mã môn học: EDUC6301 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng cần thiết để học tập hiệu quả ở bậc học đại học. Cụ thể, môn học giúp sinh viên đánh giá sự phù hợp của bản thân và nghề nghiệp, hiểu và rèn luyện những tố chất cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, đồng thời chọn lựa đúng đắn mục tiêu học tập, cũng như các môn học trong chương trình đào tạo để có được nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng

quan trọng để giúp sinh viên học tốt trong môi trường học thuật ở bậc đại học, bao gồm các kỹ năng mềm, cũng như các kỹ năng liên quan đến học thuật và nghiên cứu khoa học, một hoạt động bắt buộc của SV tham gia học tập tại chương trình đào tạo Chất lượng cao của Trường ĐH Mở TPHCM.

13) Môn học: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học: GLAW6301 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học trình bày những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm:

Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và khái quát về cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý.

Giới thiệu các nội dung cơ bản về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hành chính, Luật tố tụng hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình và Pháp luật về phòng chống tham nhũng.

Pháp luật đại cươnglà môn học bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh dành cho sinh viên năm thứ nhất. Môn học được thiết kế gồm 03 tín chỉ, trong đó có 03 tín chỉ lý thuyết (với tổng số tiết là 45 tiết).

14) Môn học: **Lý luận Nhà nước và pháp luật**

Mã môn học: BLAW6301 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan

hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Lý luận Nhà nước và pháp luật là môn học lựa chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương đào tạo cử nhân ngành Luật học và ngành Luậtkinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ, với tổng số là 45 tiết lý thuyết.

15) Môn học: **Tin học văn phòng nâng cao**

Mã số môn học: COMP6303 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tin học văn phòng nâng cao thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, ngoại trừ các ngành thuộc khoa Công nghệ thông tin và ngành Khoa học dữ liệu. Môn học Tin học văn phòng nâng cao hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng trình độ nâng cao. Sinh viên học và đạt môn học Tin học văn phòng nâng cao sẽ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.

16) Môn học: **Thống kê ứng dụng**

Mã số môn học: BADM6341 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt:Môn học Thống kê ứng dụng là môn học cơ sở. Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ứng dụng thống kê trong các lĩnh vực chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng và kinh tế. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê mô tả và thống kê suy diễn như: ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan, hồi quy tuyến tính đơn giản, phương pháp phân tích tăng trưởng và chỉ số, biết cách thực hiện một cuộc điều tra thống kê và viết và trình bày báo cáo phân tích thống kê.

17) Môn học: **Giải tích**

Mã môn học: MATH6301 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học được tổ chức giảng dạy trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số, đạo hàm, ứng dụng của đạo hàm, tích phân, ứng dụng của tích phân, phương trình vi phân, chuỗi và hàm nhiều biến số.

Môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

18) Môn học: **Đại số tuyến tính**

Mã môn học: MATH6302 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian véctơ, Giá trị riêng, vectơ riêng, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương và một số ứng dụng thực tế.

Qua môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

19) Môn học: **Xác suất và thống kê**

Mã môn học: MATH6303 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này thuộc phần kiến thức nền tảng, có vai trò cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê làm cơ sở cho các môn chuyên ngành và có thể vận dụng trong cuộc sống. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng bao gồm: xác suất, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, thống kê mô tả,lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết và hồi qui tuyến tính đơn, và phần mềm xử lý thống kê R ở mức độ cơ bản.

20) Môn học: **Nguyên lý thống kê kinh tế**

Mã số môn học: MATH6304 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này thuộc phần kiến thức cơ sở, có vai trò cung cấp kiến thức thống kê thường sử dụng trong kinh tế. Nội dung môn học giới thiệu các công cụ thống kê như: thống kê mô tả, khái niệm cơ bản về xác suất tiếp cận thông qua tần suất thống kê, thống kê suy diễn 1 mẫu và hai mẫu, hồi qui tương quan, phân tích phương sai... Đặc biệt, môn học có thực hành xử lí số liệu các bài toán thực tế bằng phần mềm R.

21) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học: GENG1311 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Anh Nâng Cao 1 là môn học đầu tiên trong chương trình tiếng Anh nâng cao, giúp sinh viên đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ đầu ra B1 – trình độ trung cấp. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp, với nội dung gồm những kiến thức phổ quát về thế giới.

22) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học: GENG1312 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 2 trong chương trình tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên không chuyên ngữ. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để sinh viên có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống thông thường. Học phần được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên.

23) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học: GENG1313 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 3 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng

tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

24) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học: GENG1314 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 4 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 3. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

25) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã số môn học: GENG1315 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 5 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking) ở trình độ trung cấp. Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

26) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã số môn học: GENG1316 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức nâng cao về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để sinh viên có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp với bạn bè, thuyết trình các đề tài về nghệ thuật, báo chí, khoa học, xã hội, kỹ thuật, và kinh tế bằng tiếng Anh trong các tình huống. Học phần được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên.

27) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã số môn học: GENG1317 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 7 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online)

28) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã số môn học: GENG1318 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 8 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

29) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã số môn học: GENG1319 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 9 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

30) Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã số môn học: GENG1320 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 10 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

31) Môn học: **Nguyên lý kế toán (TA)**

Mã môn học: ACCO5336 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được qui trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

32) Môn học: **Kinh doanh và nghiệp vụ (TA)**

Mã môn học: ACCO5340 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp kiến thức về các loại hình tổ chức, kinh doanh, các qui tắc quản trị điều hành doanh nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm vai trò và chức năng của kế toán, kiểm toán và kiểm soát nội bộ và các phòng ban chức năng chính của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc quản lý nhân viên, lãnh đạo công ty và các qui tắc đạo đức nghề nghiệp kế toán.

33) Môn học: **Tiền tệ và ngân hàng**

Mã môn học: FINA5337 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Tiền tệ - Ngân hàng (Money and Banking) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành tài chính-ngân hàng nhằm cung cấp kiến thức lý luận làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các vấn đề sau đây: Tiền tệ và các chế độ tiền tệ, ngân hàng và tổ chức hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính, lý thuyết về tín dụng và lãi suất, các học thuyết tiền tệ, lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia.

Môn học này chưa đi sâu vào nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng nhưng nó rất quan trọng ở chỗ cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học chuyên ngành sau này.

34) Môn học: **Thị trường tài chính**

Mã môn học: FINA5330 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Thị trường tài chính (Financial Market) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm cung cấp kiến thức lý luận làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các vấn đề sau đây: Vai trò và chức năng của thị trường tài chính, các loại hàng hoá được giao dịch trên thị trường tài chính, các thị trường thành phần cấu thành nên thị trường tài chính, các định chế tham gia thị trường tài chính, cách thức tổ chức và giao dịch trên thị trường tài chính, một số kiến thức cơ bản về định giá tài sản tài chính.

Môn học này chưa đi sâu vào nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng và các định chế tài chính khác nhưng môn học này rất quan trọng ở chỗ, cùng với môn học Tiền tệ - Ngân hàng, môn học Thị trường tài chính cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có thể tiếp thu kiến thức các môn học chuyên ngành trong các năm học sau như: Tài chính doanh nghiệp, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Phân tích và đầu tư chứng khoán, Quản lý danh mục đầu tư, và Thị trường tài chính phái sinh.

35) Môn học: **Luật kinh doanh**

Mã môn học: GLAW6302 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Luật kinh doanh tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết, với tổng số tiết là 45.

Môn học Luật kinh doanh bao gồm những kiến thức pháp luật về:

- Các loại hình thương nhân (bao gồm: các loại doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh);
- Pháp luật về hợp đồng;
- Pháp luật về phá sản
- Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

36) Môn học: **Pháp luật về lao động và việc làm**

Mã môn học: BLAW6321 Số tín chỉ: 3

Môn học trước:

Mô tả tóm tắt: Môn học Pháp luật lao động và việc làm là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm Phạm vi điều chỉnh của Luật lao động, những nguyên tắc và nguồn của luật lao động; quan hệ pháp luật lao động; hệ thống ngành luật lao động; cơ chế ba bên và vai trò của nhà nước trong lãnh vực lao động; tiêu chuẩn lao động quốc tế; Khái niệm, phân loại tranh chấp lao động, những ảnh hưởng của tranh chấp lao động đối với quan hệ lao động xã hội; những nguyên tắc giải quyết và cơ chế pháp luật giải quyết tranh chấp lao động.

37) Môn học: **Marketing căn bản (TA)**

Mã số môn học: BADM5344 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này trang bị những kiến thức căn bản về Marketing, nên chủ yếu là giới thiệu các khái niệm trong khoa học marketing để sinh viên có kiến thức nền từ đó học tiếp môn Quản trị marketing, marketing dịch vụ, nghiên cứu marketing.....Để học tốt môn này, sinh viên nên học trước môn Kinh tế vi mô và trang bị những kiến thức tổng quát về kinh tế- xã hội.

38) Môn học: **Lập kế hoạch kinh doanh**

Mã số môn học: BADM6323 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Trang bị kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh. Cung cấp những kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội kinh doanh hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

39) Môn học: **Kế toán tài chính 1**

Mã môn học: ACCO6340 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học kế toán tài chính 1 được xây dựng nhằm giới thiệu cho học viên tổng quan về kế toán tài chính, hệ thống kế toán Việt Nam và các đối tượng kế toán cơ bản thuộc phần tài sản ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán. Trong từng nội dung của môn học, ngoài các thuật ngữ, nguyên tắc vận dụng và định khoản kế toán, học viên còn bắt đầu làm quen với hệ thống chứng từ kế toán, ghi chép vào hệ thống sổ kế toán từ đó tổng hợp số liệu để trình bày trên Bảng cân đối kế toán ở các chỉ tiêu liên quan.

40) Môn học: **Kế toán tài chính 2**

Mã môn học: ACCO6345 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về kế toán để sinh viên có thể ghi nhận, đánh giá, hạch toán và trình bày những yếu tố về tài sản cố định, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và doanh thu, chi phí trên BCTC. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như có thể làm việc nhóm, làm việc độc lập và không ngừng học hỏi để phát triển nghề nghiệp kế toán cho bản thân.

41) Môn học: **Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA)**

Mã môn học: ACCO5331 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Mô tả tóm tắt:Môn học nhằm cung cấp kiến thức về các nguyên tắc và khái niệm liên quan đến kế toán tài hính và các kỹ thuật thành thạo trong việc sử dụng bút toán kép. Hơn nữa, mục tiêu của môn học này còn nhằm cung cấp người học với các chuẩn mực quốc tế trong việc chuẩn bị báo cáo tài chính, bao gồm các nguyên tắc báo cáo cho các khoản mục cụ thể trên báo cáo tài chính (chẳng hạn như hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, v.v…)

42) Môn học: **Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)**

Mã môn học: ACCO5341 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học nhằm cung cấp kiến thức về các nguyên tắc và khái niệm liên quan đến kế toán tài hính và các kỹ thuật thành thạo trong việc sử dụng bút toán kép bao gồm việc lập các báo cáo tài chính và báo cáo hợp nhất ở mức độ cơ bản. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích các chỉ số tài chính để đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

43) Môn học: **Kiểm toán 1 (TA)**

Mã môn học: ACCO5329 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn này cung cấp một số kiến thức căn bản về hoạt động kiểm toán, bao gồm bản chất hoạt động kiểm toán và các loại dịch vụ đảm bảo, các quy định quản lý nghề nghiệp, các cơ quan chức năng quản lý hoạt động kiểm toán. Môn học này đồng thời giới thiệu quy trình thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm việc lập kế hoạch, đánh giá rủi ro, thu thập bằng chứng, thực hiện một số quy trình kiểm toán chính, tổ chức lưu trữ hồ sơ kiểm toán, phát hành báo cáo kiểm toán và việc thực thi đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán.

44) Môn học: **Kế toán tài chính 3**

Mã môn học: ACCO6346 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Kế toán tài chính 3 dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính như kế toán các giao dịch ngoại tệ và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán bất động sản đầu tư và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Môn học này không chỉ trang bị cho sinh viên vận dụng được hệ thống tài khoản kế toán mà còn giải thích được bản chất kinh tế của các giao dịch, cách xử lý của chuẩn mực kế toán trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác.

45) Môn học: **Kế toán tài chính 4**

Mã môn học: ACCO6347 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học dành cho sinh viên ngành kế toán, kiểm toán. Ngoài việc cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, môn học còn giúp sinh viên phân tích những thay đổi kế toán sẽ ảnh hưởng đến thông tin kế toán như thế nào. Môn học còn cung cấp những kỹ năng liên quan đến việc xử lý chứng từ, ghi chép, sửa chữa sổ kế toán, trình bày báo cáo tài chính và điều chỉnh thông tin trên báo cáo tài chính do ảnh hưởng của thay đổi chính sách, ước tính hay sai sót kế toán.

46) Môn học: **Kế toán thuế 1**

Mã môn học: ACCO6341 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Kế toán thuế là một môn học được xây dựng cho sinh viên thuộc chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán. Môn học này trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về việc tổ chức công tác kế toán thuế bao gồm tính toán, ghi nhận và báo cáo về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Ở mức độ này, sinh viên có thể trình bày, giải thích và áp dụng được các nội dung cơ bản của các quy định thuế để xử lý các giao dịch và trình bày thông tin thuế trên BCTC và tờ khai thuế. Để có thể học tốt môn học này, sinh viên cần học qua và nắm vững các kiến thức các môn học thuộc kế toán tài chính.

47) Môn học: **Kế toán thuế 2**

Mã môn học: ACCO6348 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Kế toán thuế là một môn học được xây dựng cho sinh viên thuộc chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán. Môn học này trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về việc tổ chức công tác kế toán thuế bao gồm tính toán, ghi nhận và báo cáo về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Ở mức độ này, sinh viên có thể trình bày, giải thích và áp dụng được các nội dung cơ bản của các quy định thuế để xử lý các giao dịch và trình bày thông tin thuế trên BCTC và tờ khai thuế. Để có thể học tốt môn học này, sinh viên cần học qua và nắm vững các kiến thức các môn học thuộc kế toán tài chính.

48) Môn học: **Hệ thống thông tin kế toán 1**

Mã môn học: ACCO6349 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Hệ thống thông tin kế toán 1 là môn học trang bị cho người học những kiến thức về hệ thống thông tin kế toán và các kỹ năng cơ bản về thực hành kế toán trong điều kiện ứng dụng tin học với phần mềm bảng tính. Hình thức sổ sách kế toán được sử dụng là hình thức nhật ký chung. Phần mềm bảng tính được sử dụng để giảng dạy là Microsoft Excel.

49) Môn học: **Hệ thống thông tin kế toán 2**

Mã môn học: ACCO6350 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT), giúp sinh viên tiếp cận HTTTKT trên phần mềm. Trong môn học, sinh viên sẽ thực hành thiết lập, vận hành, kiểm soát HTTTKT cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sinh viên được hướng dẫn đánh giá để lựa chọn phần mềm kế toán (PMKT) giúp cho việc tổ chức công tác kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Người học sẽ được tiếp cận và Thực hành được các nghiệp vụ trên các phân hệ cơ bản của PMKT. Môn học giúp người học thực hiện công việc hiệu quả và phối hợp tốt trên môi trường kế

toán máy. Ngoài ra, môn học cũng tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và thể hiện tinh thần trách nhiệm trong làm việc nhóm.

50) Môn học: **Tài chính hành chính sự nghiệp**

Mã môn học: ACCO6309 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Quản lý tài chính đơn vị hành chính- sự nghiệp là công cụ quản lý thu chi của ngân sách nhà nước tại đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Môn học này sẽ giúp sinh viên cách thức quản lý tài chính, quản lý tài sản công và quản lý dự án đầu tư công các đơn vị hành chính sự nghiệp.

51) Môn học: **Kế toán hành chính sự nghiệp**

Mã môn học: ACCO6351 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kế toán hành chính sự nghiệp dành cho sinh viên ngành Kế toán. Môn học giải thích đặc điểm công tác kế toán và trình bày những quy định liên quan đến việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp.

52) Môn học: **Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)**

Mã môn học: ACCO6325 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống thông tin doanh nghiệp hướng tích hợp trên môi trường ERP bao gồm quy trình kinh doanh, hoạch định trong tổ chức, dòng số liệu kế toán trên hệ thống và kiểm soát hệ thống. Môn học giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ cơ bản và giải thích cho người học những tác động của việc ứng dụng hệ thống ERP vào tổ chức. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với giải pháp ERP cụ thể.

53) Môn học: **Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)**

Mã môn học: ACCO5330 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học nhằm giúp người học tiếp cận các kỹ thuật trong kế toán quản trị như phương pháp phân loại chi phí, phương pháp tính giá thành sản phẩm (tính giá thành theo biến phí và theo chi phí sản xuất chung; tính giá thành theo biến phí và theo chi phí sản xuất chung; tính giá thành theo đơn đặt hàng và lô hàng; tính giá thành theo quy trình; …) nhằm hỗ trợ nhà quản trị trong công tác lập kế hoạch, kiểm soát và giám sát hoạt động trong nhiều tình huống kinh doanh khác nhau.

54) Môn học: **Kế toán ngân hàng**

Mã môn học: ACCO6352 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học kế toán ngân hàng giúp cho sinh viên nhận diện được vai trò, đặc điểm của đối tượng kế toán của ngân hàng thương mại và giải thích được những quy định của chế độ kế toán ngân hàng liên quan đến việc ghi nhận các nghiệp vụ và trình bày thông tin trên các báo cáo tài chính. Môn học này còn giúp sinh viên có những kỹ năng cần thiết để thực hiện được các nghiệp vụ kế toán phổ biến trong ngân hàng thương mại. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có năng lực tự học hỏi và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

55) Môn học: **Quản lý danh mục đầu tư**

Mã môn học: FINA6334 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Một sốmôn học tiên quyết sinh viên cần hoàn thành trước khi học môn quản lý danh mục đầu tư gồm thị trường tài chính, tài chính công ty hay tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc tế.

Mô tả tóm tắt: Môn học Quản lý danh mục đầu tư giới thiệu các lý thuyết về lựa chọn tài sản đầu tư của Harry Markowitz, mô hình chỉ số đơn, mô hình định giá tài sản vốn CAPM, mô hình kinh doanh chênh lệch giá APT, lý thuyết thị trường hiệu quả (EMH). Sinh viên cũng được giới thiệu một số chiến lược thường được sử dụng để quản lý danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hiệu quả của các danh mục đầu tư. Ngoài phần lý thuyết được học, sinh viên còn được trang bị thêm phần kỹ năng tin học để giải quyết các bài toán cụ thể trong việc quản lý danh mục tài sản.

56) Môn học: **Kế toán quản trị căn bản 2 (TA)**

Mã môn học: ACCO5339 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học nhằm giúp người học tiếp cận các kỹ thuật trong kế toán quản trị nhằm hỗ trợ nhà quản trị trong công tác lập kế hoạch, kiểm soát và giám sát hoạt động trong nhiều tình huống kinh doanh khác nhau.

57) Môn học: **Báo cáo tài chính 1 (TA)**

Mã môn học: ACCO5344 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về khung khái niệm của chuẩn mực kế toán quốc tế và vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế/Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế phù hợp trong kế toán tài sản dài hạn hữu hình, tài sản vô hình, suy giảm tài sản, Doanh thu và trợ cấp của chính phủ, công cụ tài chính, hợp đồng thuê, dự phòng và sự kiện sau kỳ báo cáo, hàng tồn kho và tài sản sinh học trong việc lập báo cáo tài chính và cách phân tích và giải thích các báo cáo tài chính.

58) Môn học: **Báo cáo tài chính 2 (TA)**

Mã môn học: ACCO5345 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về khung khái niệm của chuẩn mực kế toán quốc tế và vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế/Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế phù hợp việc lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập toàn diện khác; kế toán cho công ty liên kết; Có thể tính toán các tỷ số kế toán và sử dụng chúng để phân tích hiệu quả hoạt động tài chính của các công ty; Hiểu những hạn chế của báo cáo tài chính.

59) Môn học: **Quản lý tài chính 1 (TA)**

Mã môn học: ACCO5346 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Quản lý tài chính 1 (TA) cung cấp kiến thức nền tảng về các khái niệm, quy trình, kỹ thuật quản lý tài chính liên quan đến vốn lưu động và đầu tư vào một doanh nghiệp. Các nội dung trong môn học này bao gồm: Tổng quan về

quản lý tài chính; Lập kế hoạch và phân tích tài chính; Quản lý vốn lưu động; Quyết định đầu tư

60) Môn học: **Quản lý tài chính 2 (TA)**

Mã môn học: ACCO5347 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Quản lý tài chính 2 (TA) cung cấp kiến thức và kỹ năng cần có của một nhà quản lý tài chính liên quan đến quyết định chính sách đầu tư, tài trợ và cổ tức. Môn học này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu về nội dung, phương pháp và quy trình trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. Nội dung nghiên cứu trong môn học này bao gồm: Định giá trái phiếu và cổ phiếu; Xác định chi phí vốn; Phân tích nguồn; Sử dụng vốn vay và vốn chủ sở hữu; Quản lý rủi ro

61) Môn học: **Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)**

Mã môn học: FINA5338 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính-Ngân hàng nhằm cung cấp kiến thức lý luận làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các vấn đề sau đây: Mục tiêu và các quyết định của tài chính công ty, đọc hiểu và phân tích các báo cáo tài chính công ty, thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền, lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn, định giá trái phiếu, định giá cổ phiếu, phân tích và ra quyết định đầu tư dự án, đòn bẩy tài chính, các lý thuyết về cấu trúc vốn công ty và chính sách cổ tức.

Môn học này chưa đi sâu vào một chủ đề đặc biệt của tài chính công ty và nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng thương mại, nhưng nó rất quan trọng ở chỗ cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học chuyên ngành sau này.

62) Môn học: **Tài chính doanh nghiệp 2 (TA)**

Mã môn học: FINA5339 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Tài chính Doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính-Ngân hàng. Môn này nhằm cung cấp kiến thức lý luận nâng cao chưa được trình bày trong môn Tài chính Doanh nghiệp 1 để làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành và nghiên cứu sâu hơn về Tài chính Doanh nghiệp. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề sau đây: Hoạch định tài chính công ty, NPV và các chỉ tiêu khác đánh giá dự án đầu tư, lý thuyết định giá kinh doanh chênh lệch (APT), hoạch định đầu tư vốn cho công ty có vay nợ, quyền chọn và tài chính công ty, chứng quyền và trái phiếu có thể chuyển đổi, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

Mặc dù môn học này xem xét các chủ đề nâng cao của Tài chính Doanh nghiệp nhưng nó chú trọng đến khía cạnh cở sở lý luận hơn nghiệp vụ chuyên môn nhằm cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học chuyên ngành sau này như Đầu tư tài chính, Quản lý danh mục đầu tư, Tài chính phái sinh, Thẩm định dự án đầu tư và Quản trị rủi ro tài chính.

63) Môn học: **Thanh toán quốc tế**

Mã môn học: FINA5334 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn họcThanh Toán Quốc Tế (International Payment) được thiết kế như là môn học chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân ngành tài chính – ngân hàng. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng và ngoại thương. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của ngân hàng đối với hoạt động thanh toán quốc tế - nền tảng cho sự phát triển của thương mại quốc tế và chu chuyển vốn quốc tế.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề sau đây: giải thích được sự khác biệt giữa thanh toán quốc tế với thanh toán nội địa từ đó cần thiết am hiểu về hệ thống cơ sở pháp lý, phong tục tập quán, quy tắc sử dụng trong thanh toán quốc tế; Bộ chứng từ sử dụng trong thương mại và thanh toán quốc tế nhằm bảo hộ quyền lợi của các bên tham gia; Phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; Phương thức thanh toán quốc tế phù hợp với đặc điểm giao dịch thương mại quốc tế và phòng ngừa rủi ro thông qua vai trò trung gian của ngân hàng.

64) Môn học: **Ngân hàng thương mại**

Mã môn học: FINA6327 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Ngân hàng thương mại (Commercial Banking) được thiết kế như là môn học chuyên ngành đầu tiên dành cho sinh viên thuộc chuyên ngành Ngân hàng, nhằm đặt nền tảng kiến thức chuyên ngành cho sinh viên học các môn học chuyên ngành khác như: Thẩm định tín dụng, Kinh doanh ngoại hối, Thanh toán quốc tế, Kế toán ngân hàng và Quản trị ngân hàng thương mại.

Môn học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của một ngân hàng thương mại. Những chủ đề chính sẽ được giảng dạy trong môn học này bao gồm: khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức của một ngân hàng thương mại, phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động kinh doanh của một ngân hàng thương mại với hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu của ngân hàng như nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ cấp tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

65) Môn học: **Khởi nghiệp**

Mã số môn học: BADM6344 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Khởi nghiệp là môn học thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

66) Môn học: **Kiểm soát nội bộ**

Mã môn học: ACCO6328 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về cấu trúc hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm soát trong từng chu trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đánh giá và tư vấn về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.

67) Môn học: **Kiểm toán 2 (TA)**

Mã môn học: ACCO5342 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt:Môn học cung cấp các kiến thức chuyên môn về lý thuyết và thực hành kiểm toán liên quan đến trách nhiệm của kiểm toán viên các phương pháp chọn mẫu, thực hiện các qui trình kiểm toán cụ thể bao gồm: Kiểm toán hàng tồn kho, tiền và các khoản mục tương đương tiền, nợ phải thu, nợ phải trả, doanh thu, chi phí và các tài khoản liên quan đến nguồn vốn và quỹ của doanh nghiệp. Môn học này còn cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng soát xét hồ sơ để phát hành báo cáo kiểm toán, giải thích về mục đích nội dung của của báo cáo kiểm toán và thư quản lý, các loại ý kiến của Kiểm toán viên. Học viên học hoàn thành môn kiêm toán 1 trước khi học môn kiểm toán 2.

68) Môn học: **Kiểm toán thực hành**

Mã môn học: ACCO6353 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kiểm toán thực hành là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, bao gồm cách thức thực hiện kiểm toán các phần hành đơn giản trên hồ sơ kiểm toán.

69) Môn học: **Kiểm toán hoạt động**

Mã môn học: ACCO6355 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này trang bị cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hoạt động, bao gồm khái niệm, kỹ thuật và quy trình kiểm toán tính kinh tế, tính hữu hiệu và tính hiệu quả của các hoạt động, phục vụ cho triển khai kiểm toán hoạt động trong thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

70) Môn học: **Kiểm toán nội bộ**

Mã môn học: ACCO6354 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp kiến thức cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và hoạt động của kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong cơ cấu quản lý và điều hành của doanh nghiệp. Môn học Kiểm toán Nội bộ bao gồm những nội dung cơ bản về Kiểm toán nội bộ như xây dựng kế hoạch kiểm toán, phương pháp tổ chức thực hiện các quy trình kiểm toán nội bộ, phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, việc soạn thảo báo cáo kiểm toán nội bộ và xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm toán. Môn học này còn bao gồm nội dung kiểm soát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm tra tính tuân thủ và kiểm toán hoạt động

71) Môn học: **Phương pháp nghiên cứu**

Mã môn học: EDUC6101 Số tín chỉ: 1

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, các vấn đề chung nhất về nghiên cứu khoa học, bao gồm phương pháp luận, phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, quy trình nghiên cứu, cách thức thu thập dữ liệu, công cụ xử lý dữ liệu, trình bày kết quả và viết báo cáo công bố công trình NCKH

72) Môn học: **Phân tích báo cáo tài chính**

Mã môn học: FINA6335 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết thống kê, Tiền tệ-Ngân hàng, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp và Thị trường chứng khoán

Mô tả tóm tắt: Môn họccung cấp những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính: các nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý bên trong doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng..

73) Môn học: **Truy vấn dữ liệu**

Mã môn học: ITEC6302 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL), giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa và vai trò của cơ sở dữ liệu, kiến thức về cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ truy vấn dữ liệu SQL. Đặc biệt, sinh viên hiểu cách thiết kế mô hình lưu trữ dữ liệu cho ứng dụng, biết vận dụng kiến thức về cơ sở dữ liệu để thao tác, truy vấn dữ liệu trên một cơ sở dữ liệu có sẵn.

74) Môn học: **Phân tích dữ liệu**

Mã môn học: ITEC6303 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên các phương pháp trực quan hoá dữ liệu dựa trên dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc giúp hỗ trợ việc phân tích, khai thác dữ liệu hiệu quả, kinh tế, đặc biệt là trên dữ liệu lớn. Môn học cũng cung cấp các phương pháp phân tích dữ liệu tập dữ liệu lớn để đứa ra dựa đoán, hỗ trợ ra quyết định trên thông tin dữ liệu mới phục vụ giải quyết các vấn đề trong kinh tế - kinh doanh.

75) Môn học: **Phân tích dữ liệu trong kế toán**

Mã môn học: ACCO6356 Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên các phương pháp trực quan hóa dữ liệu dựa trên giúp hỗ trợ việc phân tích, khai thác dữ liệu hiệu quả, kinh tế, đặc biệt là trên dữ liệu lớn. Môn học cũng cung cấp các phương pháp phân tích dữ liệu tập dữ liệu lớn để đưa ra dự đoán, hỗ trợ ra quyết định phục vụ giải quyết các vấn đề trong kế toán và kinh doanh.

76)Môn học: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học: ACCO6401 Số tín chỉ: 4

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp sinh viên tiếp cận công việc kế toán thực tế tại các doanh nghiệp sau khi đã được học lý thuyết về kế toán và kiểm toán , môn học này sinh viên thực hiện công việc chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn thực tế của đơn vị và của giảng viên trực tiếp phụ trách .Sau thời gian thực tập, sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn viết một báo cáo thực tập theo yêu cầu và nội dung của môn học

77) Môn học: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học: ACCO6601 Số tín chỉ: 6

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Việc làm khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tiễn tổ chức công tác kế toán hay một vấn đề chuyên sâu về một phần hành kế toán của một doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên cũng có thể so sánh các lý thuyết và quy định pháp lý của hệ thống kế toán Việt Nam để so sánh với thông lệ quốc tế. Đây cũng là dịp để sinh viên tiếp cận với thực tế và định hướng công việc cho mình sau khi tốt nghiệp.